



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU
Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

Số tháng VI/2020



Hà Nội, tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC HÌNH VẼ	3
LỜI NÓI ĐẦU	4
I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2020.....	5
1. Vùng Tây Bắc	5
1.1. Diễn biến nhiệt độ	5
1.2. Diễn biến về mưa	5
1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	5
1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	6
2. Vùng Việt Bắc	6
2.1. Diễn biến nhiệt độ	6
2.2. Diễn biến về mưa	6
2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	7
2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	7
3. Vùng Đông Bắc	7
3.1. Diễn biến nhiệt độ	7
3.2. Diễn biến về lượng mưa.....	7
3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	8
3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	8
4. Vùng Đồng Bằng Bắc Bộ	8
4.1. Diễn biến nhiệt độ	8
4.2. Diễn biến về mưa	9
4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	9
4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	9
5. Vùng Bắc Trung Bộ	9
5.1. Diễn biến nhiệt độ.....	9
5.2. Diễn biến về mưa	10
5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	10
5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	10

6. Vùng Trung Trung Bộ.....	10
6.1. Diễn biến nhiệt độ.....	10
6.2. Diễn biến về lượng mưa.....	11
6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	11
6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	11
7. Vùng Nam Trung Bộ	12
7.1. Diễn biến nhiệt độ.....	12
7.2. Diễn biến về mưa	12
7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	12
7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	13
8. Vùng Tây Nguyên	13
8.1. Diễn biến nhiệt độ.....	13
8.2. Diễn biến về mưa	13
8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	13
8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	14
9. Vùng Nam Bộ.....	14
9.1. Diễn biến nhiệt độ.....	14
9.2. Diễn biến về mưa	14
9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng.....	15
9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt	15
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2020.....	16
2.1. Đối với cây lúa	16
2.2. Đối với các loại rau màu.....	18
2.3. Tình hình sâu bệnh.....	19
III. TÓM TẮT DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI-VIII NĂM 2020	21
3.1. Nhiệt độ.....	21
3.2. Lượng mưa.....	21
3.3. Các hiện tượng cực đoan	21
IV. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	22

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng V/2020	18
---	----

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Điện Biên	5
Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Việt Trì	6
Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Phù Lỗ	7
Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Hà Đông	8
Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Vinh.....	10
Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Đà Nẵng	11
Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Nha Trang	12
Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Plây Cu	13
Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Cần Thơ.....	14
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2020 so với TBNN (°C).....	23
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2020 so với TBNN (mm)	23
Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2020 so với TBNN (giờ)	24
Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2020 so với TBNN (%).....	24
Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2020 (mm)	25

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo khí tượng nông nghiệp là bản tin do Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu soạn thảo và xuất bản hàng tháng. Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (0243) 7733372; (0243) 7733090-407

Fax: (0243) 8358626

Email: khituongnongnghiep@imh.ac.vn son.nguyenhong@imh.ac.vn

Webside: <http://imh.ac.vn/ngiep-vu/cat54/Thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep>

I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2020

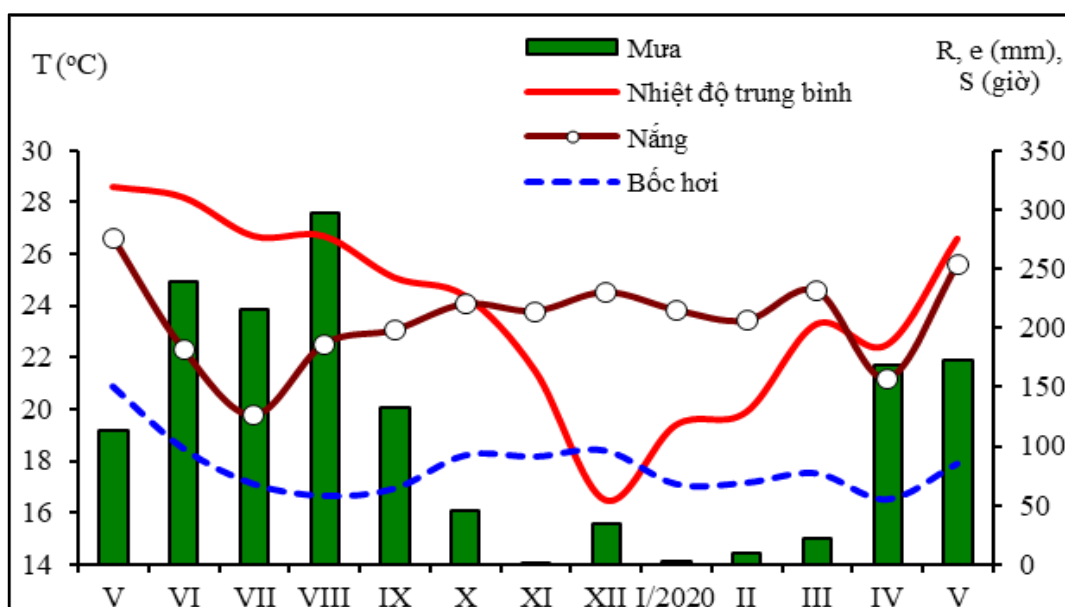
1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ tháng V/2020 dao động từ 21,2 đến 29,3°C, thấp hơn so với tháng V/2019 (Hình 1) và cao hơn TBNN từ 1,0 đến 3,2°C (Hình 10).

Nhiệt độ thấp nhất bình tháng V/2020 phổ biến dao động từ 17,9 đến 26°C, giá trị thấp nhất trong tháng được ghi nhận là 2,2°C xảy ra vào ngày 10/V/2020 tại Phù Yên (Sơn La).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng V/2020 phổ biến dao động từ 26,5 đến 36,5°C, giá trị cao nhất trong tháng được ghi nhận là 41,2°C xảy ra vào các ngày 21/V/2020 tại Chi Nê (Hòa Bình).



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Điện Biên

1.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 phổ biến dao động từ 45 đến 228mm, cao hơn so với tháng V/2019 (Hình 1) và thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai dao động từ -150 đến 35mm.

Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 13 đến 65mm, lớn nhất là 81mm xảy ra vào ngày 19/V/2020 Tại Sìn Hồ.

Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 17 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2020 phổ biến dao động từ 190 giờ đến 310 giờ, cao hơn TBNN từ 19 giờ đến 120 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2020 dao động từ 68 đến 82%, thấp hơn TBNN từ 0 đến 12%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 5/V/2020 tại Phù Yên.

Tổng lượng bốc hơi tháng V/2020 phổ biến từ 65 đến 190mm, thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai dao động từ -153 đến 47mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 đến 12mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 8-19 ngày.
- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 21 ngày với 13 ngày cường độ mạnh.
- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày tại Mai Châu.

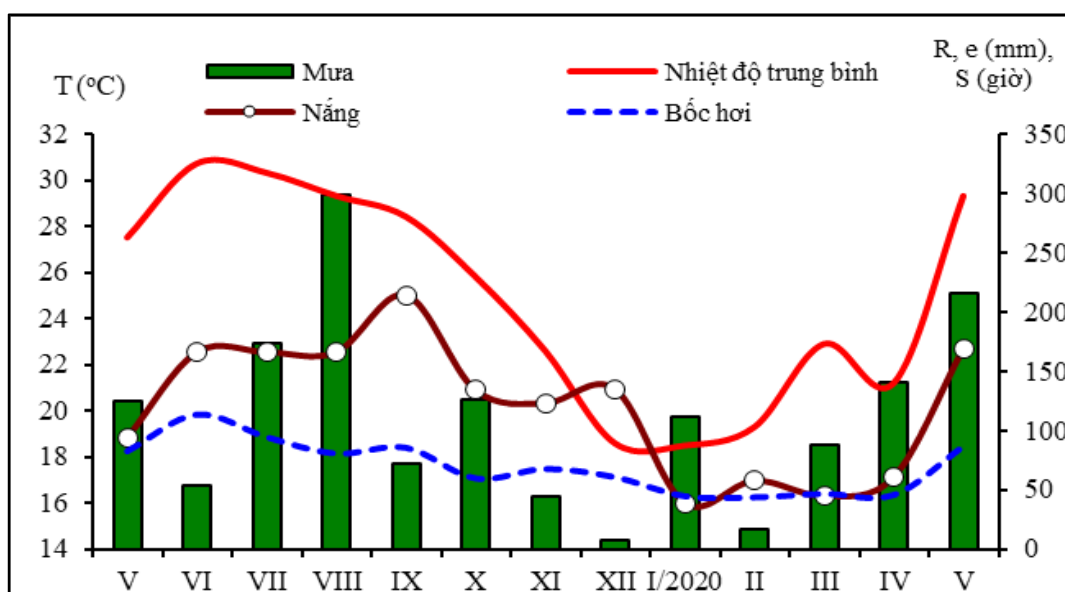
2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 phổ biến từ 20,8 đến 29,4°C, thấp hơn so với tháng V/2019 (Hình 2) và cao hơn TBNN từ 1,3°C đến 2,6°C (Hình 10).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng V/2020 phổ biến dao động từ 18 đến 25,9°C, giá trị thấp nhất trong tháng là 14,5°C xảy ra vào ngày 14/V/2020 tại Mù Căng Chải.

Nhiệt độ **cao nhất** trung bình tháng V/2020 phổ biến dao động từ 24,6 đến 35°C, giá trị lớn nhất tháng là 41,8°C xảy ra vào các ngày 21/V/2020 tại Lào Cai.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Việt Trì

2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 dao động từ 107 đến 320mm, cao hơn so với tháng V/2019 (Hình 2) và xấp xỉ TBNN với chuẩn sai dao động từ -350 đến 250mm.

Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 23 đến 97mm, lớn nhất là 97mm quan trắc được vào ngày 23/V/2020 tại Tuyên Quang và 25/V/2020 tại Ngân Sơn.

Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 10 đến 24 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 ngày đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 ngày đến 7 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2020 dao động từ 143 đến 240 giờ, từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN với chuẩn sai dao động từ -24,8 đến 78,5 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2020 dao động từ 71 đến 84%, thấp hơn TBNN từ 0 đến 13%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 10/V/2020 tại Bảo Lạc.

Tổng lượng bốc hơi tháng V/2020 dao động từ 54 đến 155mm, phổ biến thấp hơn TBNN với chuẩn sai dai động từ -256 đến 48mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 6 - 18 ngày.
- Gió lào xuất hiện 1 - 12 ngày trong đó 2 ngày với cường độ mạnh tại Lào Cai và Bảo Lạc.

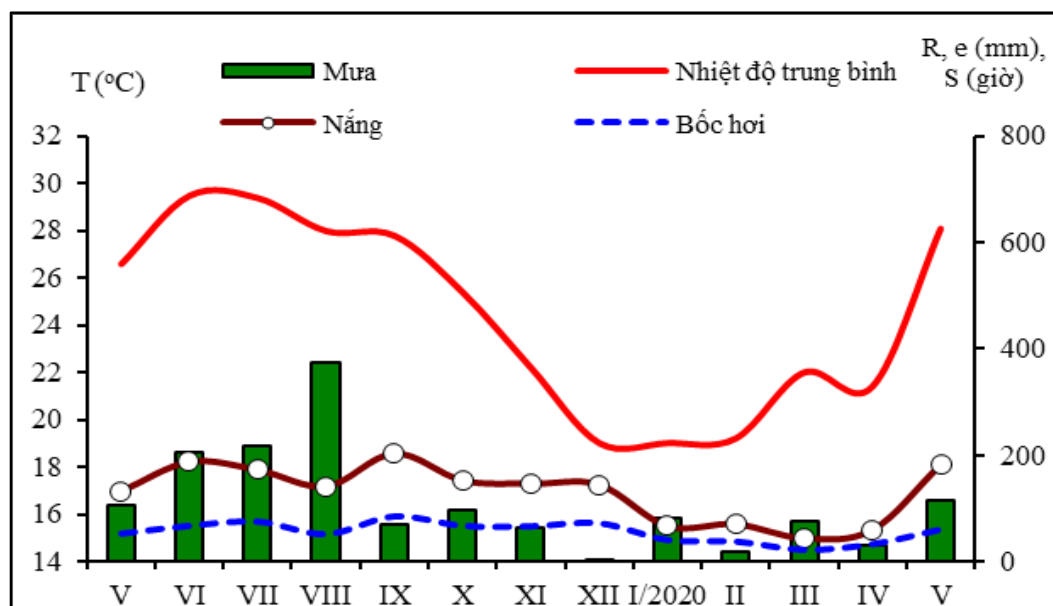
3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 phổ biến dao động từ 21,6 đến 28,9°C, xấp xỉ tháng V/2019 (Hình 3) và cao hơn TBNN từ 1,1 đến 1,9°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 30,9°C đến 33,7°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39°C xảy ra vào các ngày 21/V tại Lục Ngạn, Sơn Động, Bắc Giang.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình từ 22,8°C đến 26,2°C, giá trị thấp nhất là 14,3°C xảy ra vào ngày 26/V tại Sơn Động.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Phú Liên

3.2. Diễn biến về lượng mưa

Lượng mưa tháng V/2020 dao động phổ biến từ 68mm đến 184mm, xấp xỉ tháng V/2019 (Hình 3) và từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai dao động từ -155,5 đến 20,7mm (Hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 14 đến 78mm, cao nhất là 89mm

xảy ra ngày 17/V/2020 tại Thất Khê (Lạng Sơn).

Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 đến 16 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 9 ngày.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Số giờ nắng tháng V/2020 dao động từ 180 đến 223 giờ, ở mức từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -130,4 đến 87,2 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2020 phổ biến từ 78 đến 88%, ở mức xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -2 đến 3%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 29/V/2020 tại Phú Liễn (Hải Phòng).

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 5 đến 103mm, ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -126mm đến 18mm (Hình 14). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 đến 6mm.

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 4 ngày với cường độ nhẹ.
- Đông xuất hiện 3 – 11 ngày.

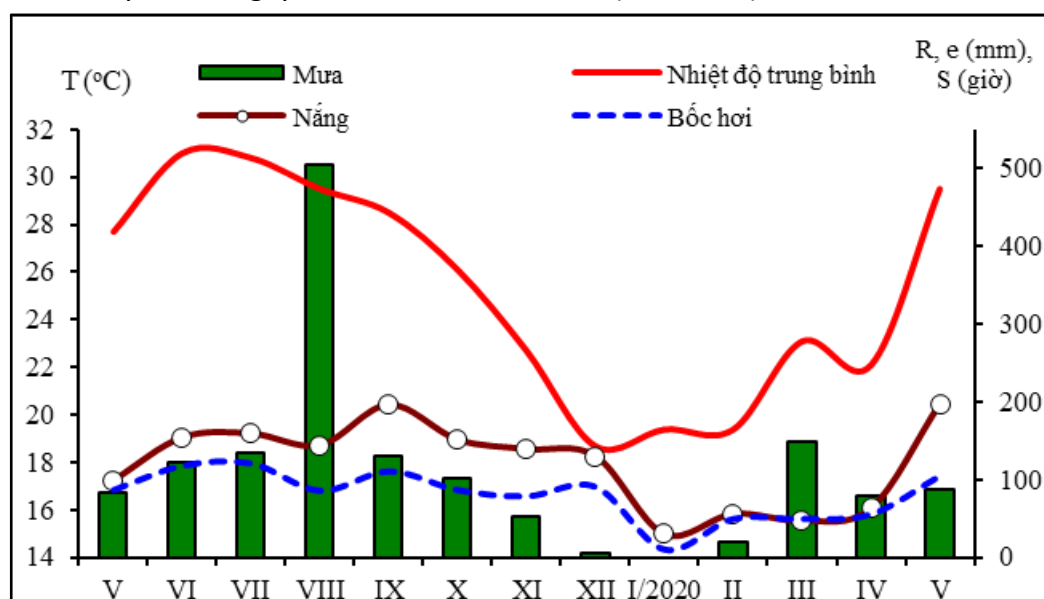
4. Vùng Đồng Bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 dao động từ 28,6°C đến 29,9°C, xấp xỉ tháng V/2019 (Hình 4) và cao hơn TBNN từ 1,6 đến 2,7°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng dao động từ 30,9 đến 34,5°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,9°C xảy ra vào ngày 21/V/2020 tại Hà Đông (Hà Nội).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng dao động từ 25,5 đến 27,9°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 22°C xảy ra vào ngày 2/V/2020 tại Nho Quan (Ninh Bình).



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Hà Đông

4.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 dao động từ 26 đến 258mm, xấp xỉ tháng V/2019 (Hình 4) và từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai dao động từ -171,3 đến 83,9mm (Hình 11).

Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 đến 53mm, cao nhất là 58mm xảy ra vào ngày 24/V tại Vĩnh Yên.

Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 11 ngày.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2020 ở các nơi trong vùng dao động từ 176 giờ đến 226 giờ; ở mức từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -28,4 đến 13,2 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% đến 85%, thấp hơn TBNN từ 1 đến 10% (Hình 13). Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 21/V/2020 tại Ninh Bình.

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 59 đến 113mm, ở mức xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -163mm đến 80mm. Tổng lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 5 - 15 ngày .
- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày tại trạm Láng.
- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 8 ngày trong đó có 1 – 2 ngày với cường độ mạnh.

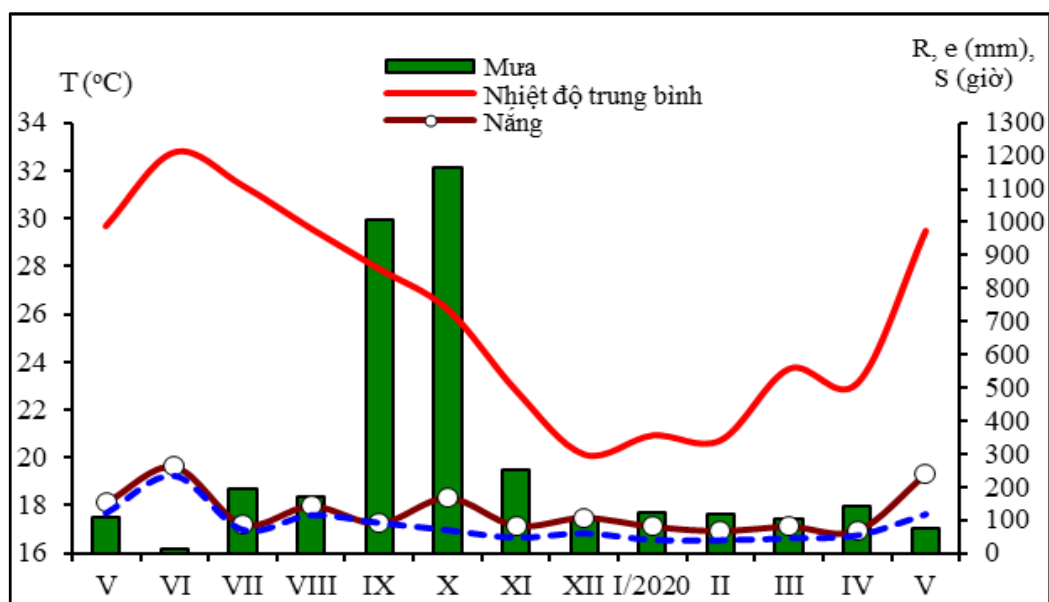
5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 dao động từ 28,5 đến 29,8°C, thấp hơn tháng V/2019 (Hình 5) và cao hơn TBNN từ 1,4 đến 2,5°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng dao động từ 33,0 đến 37,4°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 42,2°C xảy ra vào ngày 7/V/2020 tại Quỳnh Hợp (Nghệ An).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng tháng V/2020 dao động từ 24,3 đến 26,8°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 21,1°C xảy ra vào ngày 1/V/2020 tại Quỳnh Châu (Nghệ An).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Vinh

5.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 dao động từ 31 đến 293mm, thấp hơn trung bình tháng V/2019 (Hình 5) và ở mức xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -86,9mm đến 94,3mm (Hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 16 đến 66mm, cao nhất là 84mm xảy ra vào ngày 11/V/2020 tại Hà Tĩnh.

Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 18 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng trong tháng V/2020 dao động từ 209 đến 268 giờ, cao hơn TBNN từ 15,4 giờ đến 70,8 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 84%, xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -4% đến 1%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 19/V/2020 tại Con Công (Nghệ An).

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 73mm đến 132mm, xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -217mm đến 66mm. Tổng lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 11mm.

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện từ 8 – 20 ngày.
- Gió Lào xuất hiện từ 1 – 21 ngày với 1 - 7 ngày cường độ mạnh.

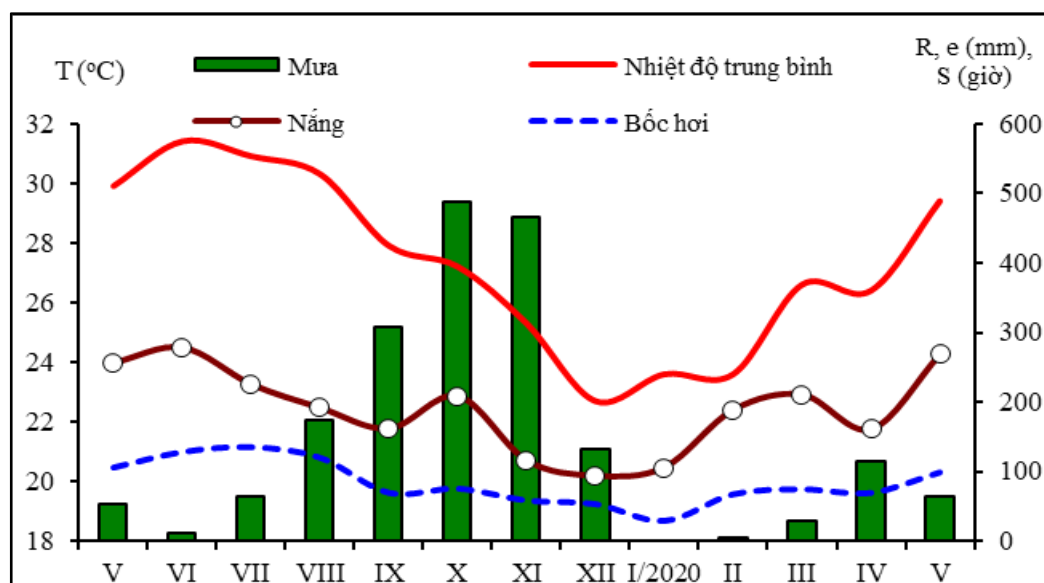
6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 dao động từ 26,3 đến 30,3°C, thấp hơn trung bình tháng V/2019 (Hình 6) và cao hơn TBNN từ 1,2 đến 2,6°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 33,1 đến 36,8°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41°C xảy ra vào ngày 8/V/2020 tại Tuyên Hóa.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 22,4 đến 26,9°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,7°C xảy ra vào ngày 1/V tại A Lưới (Thừa Thiên Huế).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Đà Nẵng

6.2. Diễn biến về lượng mưa

Tổng lượng mưa trong tháng V/2020 dao động từ 18mm đến 149mm, tương đương tháng V/2019 (Hình 6) và thấp hơn TBNN với chuẩn sai từ -151,7 đến 1,4 mm (Hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất ở vùng phía Bắc phổ biến từ 9 đến 47mm, cao nhất là 53mm xảy ra ngày 28/V/2020 tại Nam Đông (Thừa Thiên Huế).

Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 18 ngày.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 204 đến 284 giờ, ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN với chuẩn sai dao động từ -9,1 đến 30,9 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 84%, ở mức xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ -5% đến 4%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra ngày 26/V/202 tại Đồng Hới (Quảng Bình).

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 24mm đến 136mm, ở mức từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN với chuẩn sai từ -37 đến 107mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 11mm.

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện từ 5 – 22 ngày.
- Gió lào xuất hiện từ 3– 17 ngày với 1 - 4 ngày cường độ mạnh.

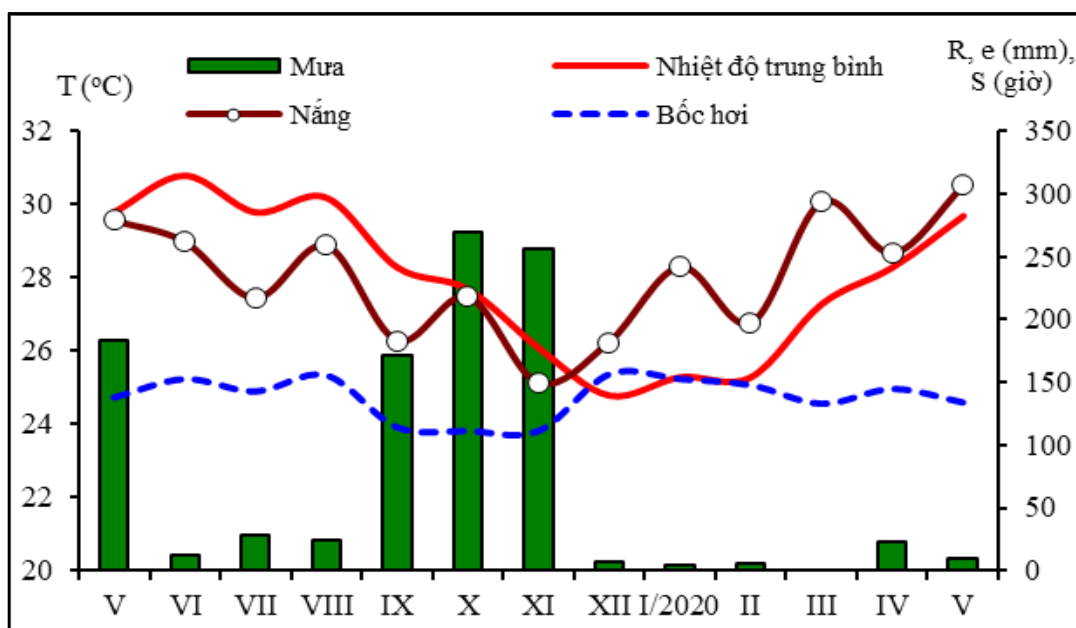
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 dao động từ 29,1 đến 30,8°C, tương đương với nhiệt độ trung bình tháng V/2019 (Hình 7) và cao hơn TBNN từ 0,7 đến 1,9°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 32,3 đến 35,3°C, giá trị cao nhất là 38,5°C xảy ra vào ngày 26/V/2020 tại Tuy Hòa (Phú Yên).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 25,3 đến 27,6°C, giá trị thấp nhất là 23,3°C, xảy ra vào ngày 1/V/2020 tại Hoài Nhơn (Bình Định).



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 dao động từ 3 đến 45mm, thấp hơn đáng kể so với tháng V/2019 và thấp hơn TBNN từ 45 đến 90mm (Hình 11).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 14mm, lớn nhất là 17mm xảy ra ngày 21/V/2020 tại Quy Nhơn.

Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến 1 - 5 ngày. Số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 15 đến 25 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2020 biến dao động từ 304 đến 325 giờ, cao hơn TBNN từ 40 đến 65 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng dao động từ 71 đến 80%, thấp hơn TBNN từ 0 đến 4% (Hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 40% xảy ra vào ngày 26/V/2020 tại Phan Rang.

Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 92 đến 165mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến

từ 4 đến 8mm.

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Thời tiết khô nóng xuất hiện 1 - 12 ngày trong đó 1 -3 ngày với cường độ mạnh.
- Đông xuất hiện từ 1 – 8 ngày.

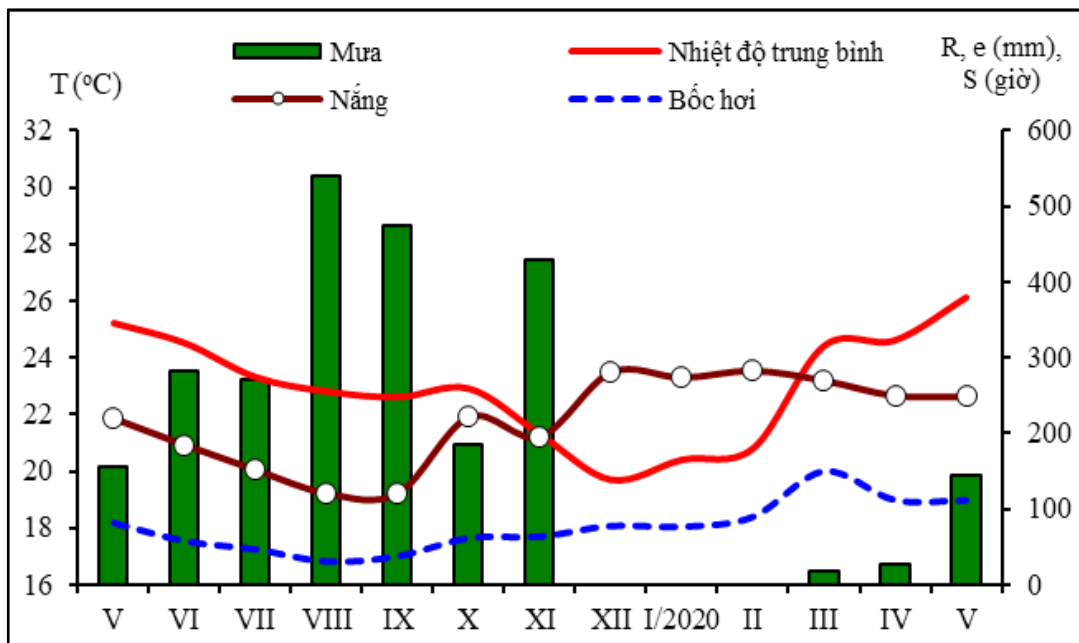
8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình tháng V/2020 dao động từ 21,6 đến 30,6°C, tương đương với trung bình tháng V/2019 (Hình 8) và cao hơn TBNN từ 1,7 đến 2,8°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 27,8 đến 37,4°C; giá trị cao nhất là 41°C xảy ra vào ngày 9/V/2020 tại Ayunpa (Gia Lai).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 17,3 đến 25,9°C, giá trị thấp nhất là 12,6°C xảy ra vào ngày 1/V/2020 tại Đà Lạt.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Plây Cu

8.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 dao động từ 66 đến 142mm, tương đương với tháng V/2019 và thấp hơn TBNN từ 67 đến 102mm.

Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 28 đến 55mm, lớn nhất 142mm xảy ra vào ngày 21/V/2020 tại An Khê (Gia Lai).

Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 5 đến 18 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 17 ngày.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2020 phổ biến từ 182 giờ đến 292 giờ, xấp xỉ TBNN (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2020 phổ biến thấp hơn TBNN từ 4 đến 12% (Hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất là 26% xảy ra vào ngày 4/V/2020 tại An Khê (Gia Lai).

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 54 đến 138mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 2 - 17 ngày.

- Thời tiết khô nóng xuất hiện từ 1 – 19 ngày trong đó có 7 ngày xuất hiện với cường độ mạnh.

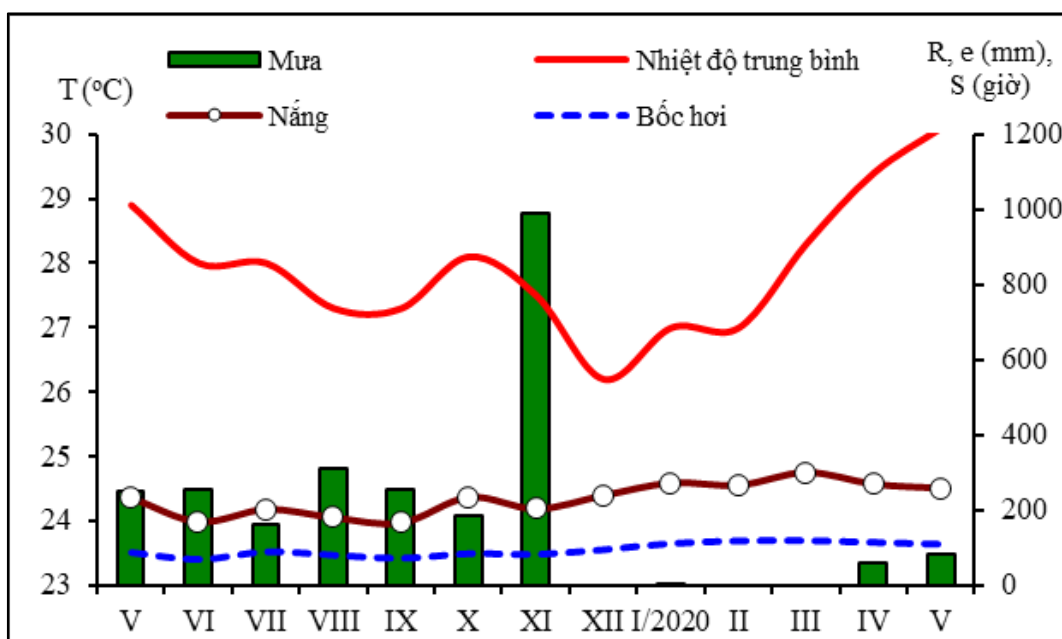
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2020 phổ biến từ 28,8 đến 31,1°C, cao hơn so với tháng V/2019 (Hình 9) và cao hơn TBNN từ 1 đến 2,8°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 33,4 đến 36,5°C, giá trị cao nhất là 38,8°C xảy ra vào ngày 14/V/2020 tại Biên Hòa (Đồng Nai).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng V/2020 dao động từ 25,2 đến 28,1°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 22,5°C xảy ra vào ngày 24/V/2020 tại Biên Hòa (Đồng Nai).



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ tháng V/2019 đến tháng V/2020 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng V/2020 phổ biến từ 7 đến 709mm, thấp hơn so với tháng V/2019 và từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN với chuẩn sai từ -216,7 đến 555,5mm.

Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 3 đến 74mm, cao nhất là 87mm xảy ra ngày 24/V/2020 tại Rạch Giá (Kiên Giang).

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 12 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 19 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng V/2020 phổ biến từ 206 giờ đến 277 giờ; ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN với chuẩn sai dao động từ -23,2 giờ đến 68,0 giờ (Hình 12).

Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 69 đến 85%, ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN với chuẩn sai từ - 10 đến 4% (Hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 1/V/2020 tại Xuân lộc (Đồng Nai).

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 76 đến 143mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm.

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện 1 - 16 ngày.
- Thời tiết khô nóng xuất hiện từ 1 – 27 ngày trong đó 11 ngày với cường độ mạnh.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2020

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng V/2020 ở hầu hết các địa phương phía Bắc tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Nền nhiệt và số giờ nắng chủ yếu ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN, lượng mưa và số ngày mưa tăng đảm bảo được cho lúa xuân ở Miền Bắc trở bông, chắc xanh. Ở Miền Nam đã bắt đầu vào mùa mưa do vậy lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể so với các tháng trước nhưng vẫn thấp hơn TBNN. Ở khu vực Miền Trung, do ảnh hưởng của các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng cao, cao hơn cả lượng mưa gây thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng V/2020 ở hầu hết các địa phương số ngày có dông tăng, lượng mưa dông lớn. Đặc biệt, ở hầu hết các khu vực đều xuất hiện gió tây khô nóng, một số vùng như Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên xuất hiện các đợt gió tây khô nóng với cường độ mạnh ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp.

Thiên tai xảy ra trong tháng năm chủ yếu là mưa đá, mưa lớn, sạt lở và xâm nhập mặn tại một số địa phương làm 32,2 nghìn ha lúa và 10,3 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng. Riêng hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra tại 6 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng làm thiệt hại hơn 8,7 nghìn ha lúa và 917 ha hoa màu.

Tại Thái Nguyên mưa lớn ngày 8/5 đã khiến 182,6ha lúa, ngô, rau màu bị thiệt hại nặng nề, 85ha cây lâm nghiệp, 3.700 cây xanh, cây ăn quả bị gãy đổ; 18 trang trại gà bị hư hỏng; 2.800 con gia cầm chết.

Mưa lớn kèm giông, lốc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đêm 17 rạng sáng 18/5 đã làm 72 ha rừng bị đổ, gãy, 63 ha lúa, 12 ha rau màu bị bị đổ gãy.

Tháng 5, toàn ngành tập trung chủ yếu vào chăm sóc Vụ Đông xuân ở phía Bắc; thu hoạch lúa Vụ Đông xuân và gieo trồng lúa Hè Thu ở phía Nam. Tính đến cuối tháng lúa đông xuân ở các tỉnh đồng bằng Sông Hồng cơ bản kết thúc thời kỳ trở bông, ở vùng Bắc Trung bộ đã tiến hành thu hoạch và tại các tỉnh miền Nam cơ bản thu hoạch xong. Nhìn chung, cây trồng được xuống giống trong khung thời vụ nên sinh trưởng và phát triển khá ổn định.

2.1. Đối với cây lúa

Tính đến cuối tháng V/2020, cả nước gieo cấy đạt 4,2 triệu ha, giảm 116 nghìn ha so với cùng kỳ. Trong đó, các địa phương phía Bắc đã gieo cấy được 1,12 triệu ha; địa phương phía Nam đã gieo cấy được 3,08 triệu ha. Diện tích đã thu hoạch đạt 2,38 triệu ha, sản lượng khoảng 15,8 triệu tấn.

Lúa Đông xuân: Vụ lúa đông xuân năm nay cả nước gieo cấy được 3.025,5 nghìn ha, bằng 96,8% năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.097,5 nghìn ha; các địa phương phía Nam đạt 1.928 nghìn ha.

Tại các địa phương phía Bắc, ngay từ đầu vụ thời tiết ẩm áp, nguồn nước tưới tiêu được cung ứng hợp lý nhưng do diện tích gieo trồng giảm nên kết quả sản xuất lúa đông xuân năm

nay thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tháng V là tháng bắt đầu mùa mưa ở khu vực phía Bắc, lượng mưa và số ngày mưa đã tăng so với các tháng trước, tuy nhiên phần lớn các khu vực lượng mưa vẫn thấp hơn so với TBNN nhưng phần nào các cơn mưa cũng đã làm thời tiết dịu mát, cung cấp lượng nước đáng kể cho sản xuất nông nghiệp.

Ở vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ, nhiều khu vực cả tháng có từ 10 – 20 xuất hiện gió tây khô nóng trong đó các khu vực như Sông Mã, Yên Châu, Phù Yên, Cửa Rào, Tây Hiếu,... có đến trên 7 đợt có cường độ mạnh, các đợt gió tây khô nóng kết hợp với các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng gây thiếu hụt nước cho SXNN. Nếu từ nay đến khi thu hoạch không có mưa bão và sâu bệnh bất thường, năng suất lúa đông xuân của các địa phương phía Bắc ước tính đạt 62,9 tạ/ha, tương đương vụ đông xuân năm trước; sản lượng đạt 6,9 triệu tấn, giảm 128,5 nghìn tấn.

Tại các địa phương phía Nam, tháng V gió Tây Nam bắt đầu thổi mạnh ảnh hưởng đến Nam Bộ và Tây Nguyên mang theo mưa rào và dông ở hầu hết các địa phương, các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc xoáy, sét vẫn thường xảy ra. Do nắng nóng tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước, nền nhiệt cao hơn TBNN, so với cùng kỳ nhiều năm thì tháng V năm nay hiện tượng gió Tây khô nóng có tăng lên đáng kể, làm cho lượng bốc hơi ở nhiều nơi vẫn cao hơn lượng mưa, hạn cục bộ vẫn còn tiếp diễn và ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất vụ hè thu ở những khu vực này. Tính đến cuối tháng V thu hoạch được 1.870 nghìn ha lúa đông xuân, chiếm 97% diện tích xuống giống và bằng 94,7% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long cơ bản đã thu hoạch xong, đạt 1.518,4 nghìn ha, chiếm 98,2%. Mặc dù tình hình hạn hán và xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, nhưng ngành Nông nghiệp đã có các biện pháp phù hợp như điều chỉnh lịch thời vụ gieo trồng sớm hơn hoặc chủ động chuyển đổi, cắt giảm diện tích đối với vùng có nguy cơ bị tác động của hạn, mặn; vận hành đồng loạt hệ thống thủy nông để ngăn mặn, giữ ngọt hiệu quả; sử dụng các loại giống lúa ít nhiễm sâu bệnh, cho năng suất cao nên năng suất lúa đông xuân năm nay vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước. Ước tính năng suất lúa đông xuân của các địa phương phía Nam năm nay đạt 67,3 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước; nhưng do diện tích lúa giảm nên sản lượng đạt 13,44 triệu tấn, giảm 464,2 nghìn tấn. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước tính năng suất đạt 68,1 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước; sản lượng đạt 10,5 triệu tấn, giảm 346,9 nghìn tấn.

Lúa Hè thu: Các địa phương phía Nam gieo sạ được 773,2 nghìn ha lúa hè thu, bằng 95,3% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 703,1 nghìn ha, bằng 93,8%. Tiến độ gieo trồng lúa hè thu năm nay chậm hơn cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của hạn hán và xâm nhập mặn. Hiện nay, lúa hè thu sinh trưởng và phát triển tốt, đang ở giai đoạn đẻ nhánh đến chắc xanh, một số diện tích xuống giống sớm đã cho thu hoạch. Tuy nhiên, dự báo vụ hè thu 2020 còn gặp khó khăn do thời tiết nắng nóng kéo dài, đặc biệt nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại các tỉnh Trung Bộ, Tây Nguyên trong các tháng mùa khô. Vì vậy, ngành Nông nghiệp cần khuyến cáo nông dân gieo trồng các giống lúa phù hợp với điều kiện sản xuất cụ thể tại địa phương, hạn chế gieo trồng ở những vùng thấp trũng, không chủ động nước

tươi hoặc thường xuyên bị ngập úng, bảo đảm thu hoạch trà lúa hè thu tránh lũ sớm ở các tỉnh Bắc Trung Bộ, đồng thời kiểm soát và chủ động ngăn ngừa nguy cơ bùng phát sâu bệnh gây hại trên lúa.

2.2. Đối với các loại rau màu

Tính đến cuối tháng V, diện tích gieo trồng ngô, khoai lang giảm nhưng một số cây màu tăng so với cùng kỳ, cụ thể: Cả nước gieo trồng được 457,9 nghìn ha ngô, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước; 66,7 nghìn ha khoai lang, giảm 2,9%; 24 nghìn ha đậu tương, tăng 6,8%; 131 nghìn ha lạc, tăng 2,1%; 558,5 nghìn ha rau đậu, tăng 0,8%. Nhìn chung các cây màu được gieo trồng đúng thời vụ, sinh trưởng và phát triển tốt.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp mù, chè lớn lá thật 1, nảy chồi trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 1).

Ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ: Ngô đang trong giai đoạn chín sữa, lạc hình thành củ trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng V/2020

TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1		Điện Biên	Lúa chiêm thu hoạch			
2	Tây Bắc, Việt Bắc	Văn Chấn	Lúa chiêm chín hoàn toàn	TB	3 cm	
3		Mộc Châu	Chè lớn búp mù	Khá	Ấm	
4		Lạng Sơn	Ngô phun râu	Khá	TB	
5	Đông Bắc	Bắc Giang	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
6		Uông Bí	Lúa xuân thu hoạch			
7	Trung du Bắc	Phú Hộ	Chè lớn lá thật 1	TB	Ấm	
8	Bộ	Ba Vì	Chè lớn lá thật 1	TB	TB	
9		Hà Đông	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB		
11	Đồng bằng sông Hồng	Hải Dương	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	11 cm	

TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
12		Hưng Yên	Lúa xuân chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
13		Nam Định	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	16 cm	
14		Thái Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
15		Ninh Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
16		Thanh Hóa	Lúa chiêm thu hoạch			
17	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ	TB	TB	
18		Đô Lương	Lúa xuân thu hoạch			
19		Quỳnh Lưu	Lúa mùa cấy	TB	3 cm	
20	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Ấm	
21	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Ấm	

2.3. Tình hình sâu bệnh

- Rầy hại lúa: Diện tích nhiễm 5.075 ha, diện tích nhiễm nặng 181 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Yên Bái, Quảng Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Long An, Bạc Liêu, Vĩnh Long, ...

- Bệnh đạo ôn:

+ Bệnh đạo ôn lá: Diện tích nhiễm 7.386 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Sóc Trăng,...

+ Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 1.608 ha, mất trắng 1 ha (tại Bắc Ninh). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Điện Biên, Yên Bái, Hà Nội, A Giang, Tiền Giang, Hậu Giang, An Giang, ...

- Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá: Diện tích nhiễm 14 ha. Phân bố tại tỉnh Đồng Tháp (04 ha), An Giang (10 ha) trên lúa giai đoạn làm đồng.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm 6.767 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang,...

- Sâu đục thân 2 chấm: Diện tích nhiễm 1.950 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, An Giang, Yên Bái, Bắc Giang, Bắc Ninh,...

- Bệnh khô vằn: Diện tích nhiễm 29.207 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh An Giang, Hậu

Giang, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Thái Bình, ...

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 2.824 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Kiên Giang, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long,...

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 1.984 ha. Phân bố ở các tỉnh Hà Nội, Tuyên Quang, Yên Bái, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Tiền Giang,...

- Chuột: Diện tích nhiễm 6.096 ha, nhiễm nặng 122 ha, phân bố chủ yếu ở Bạc Liêu, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Long An, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang,...

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 1.678 ha. Phân bố chủ yếu ở Sóc Trăng, Long An, An Giang, Hậu Giang, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, ...

III. TÓM TẮT DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI-VIII NĂM 2020

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ: NGTB mùa VI-VIII năm 2020 cao hơn TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với chuẩn sai phổ biến từ 0,5 đến 1,5°C.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa: TLM mùa VI-VIII năm 2020 có khả năng xấp xỉ TBNN ở phía Bắc; thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở phía Nam..

3.3. Các hiện tượng cực đoan

Hoạt động của XTND: Số lượng XTND hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta trong năm 2020 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN. Trong mùa VI-VIII có khả năng xuất hiện 2 đến 3 cơn hoạt động trên Biển Đông.

Nắng nóng: Số ngày nắng nóng có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

Điều kiện khô/hạn: Tình trạng khô hạn ở Nam Trung Bộ tiếp tục diễn ra và có thể kéo dài đến tháng VIII năm 2020

IV. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng V và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VI/2020 và dự báo khí hậu 3 tháng VI-VIII/2020 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của lúa, tuy nhiên với lượng mưa tháng còn thấp nên cần có các biện pháp cung cấp nước cho các cây trồng cần phát triển tốt hơn;

- Các loại sâu bệnh gây hại với diện hẹp, tuy nhiên cũng cần tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, hạn chế sự lây lan và bùng phát trên diện rộng.

- Cần đề phòng mưa lớn gây ngập úng.

- Tập trung thu hoạch lúa đông xuân.

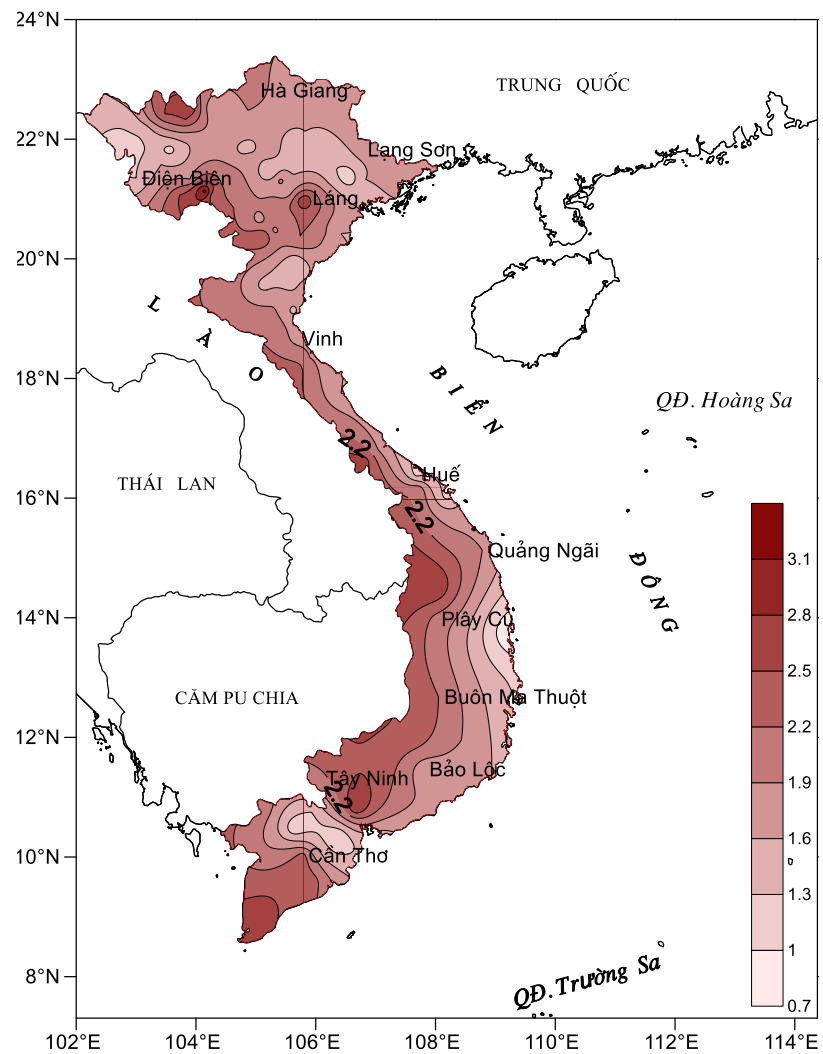
2. Miền Nam

- Thu hoạch phần còn lại của lúa đông xuân, tập trung làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu;

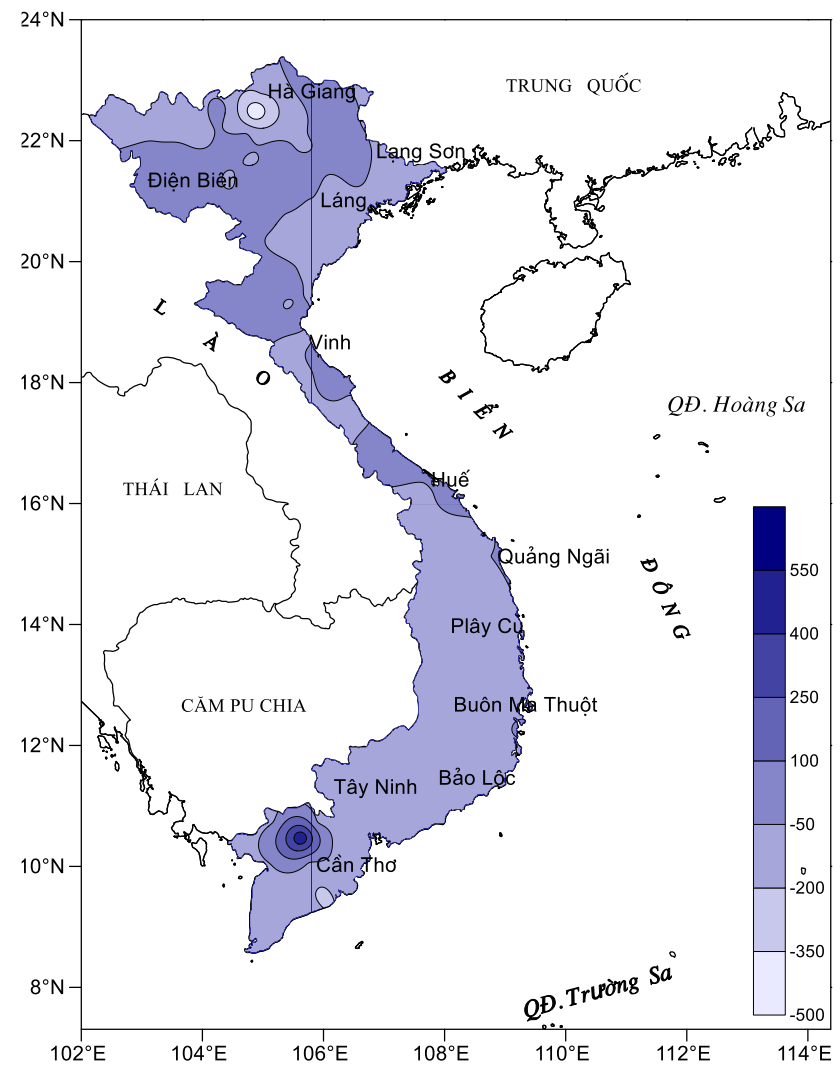
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê

- Đề phòng đông lốc

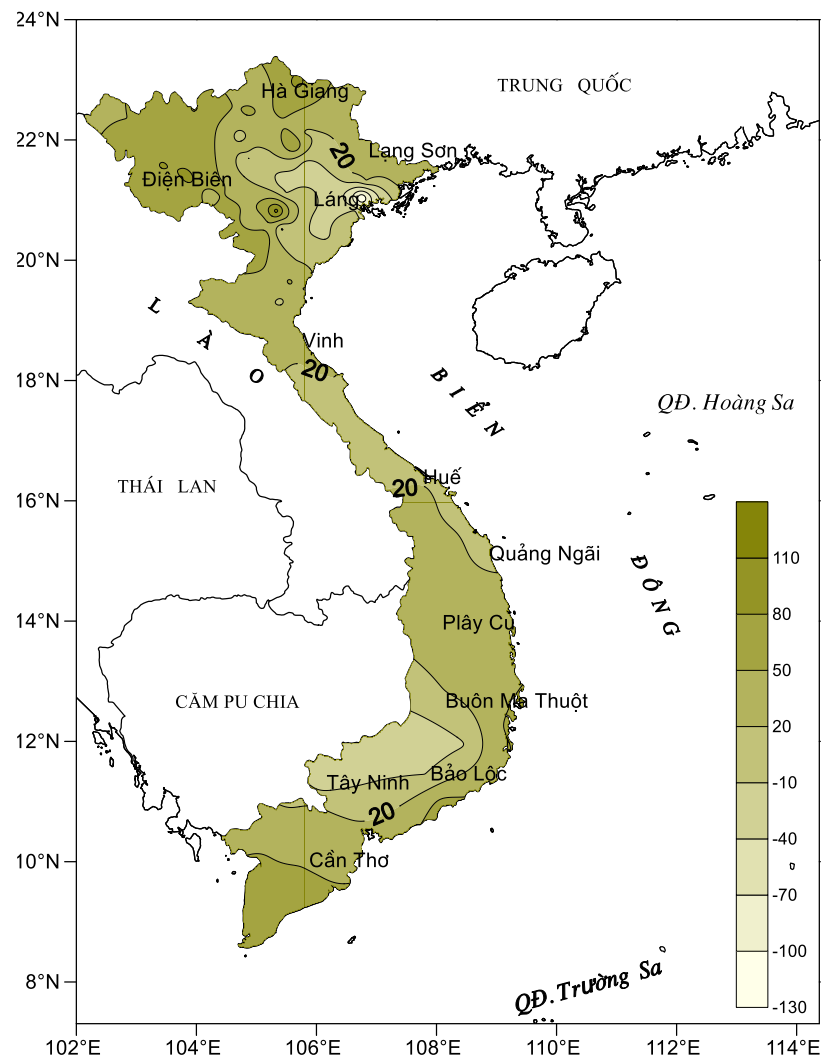
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp chống hạn và xâm nhập mặn



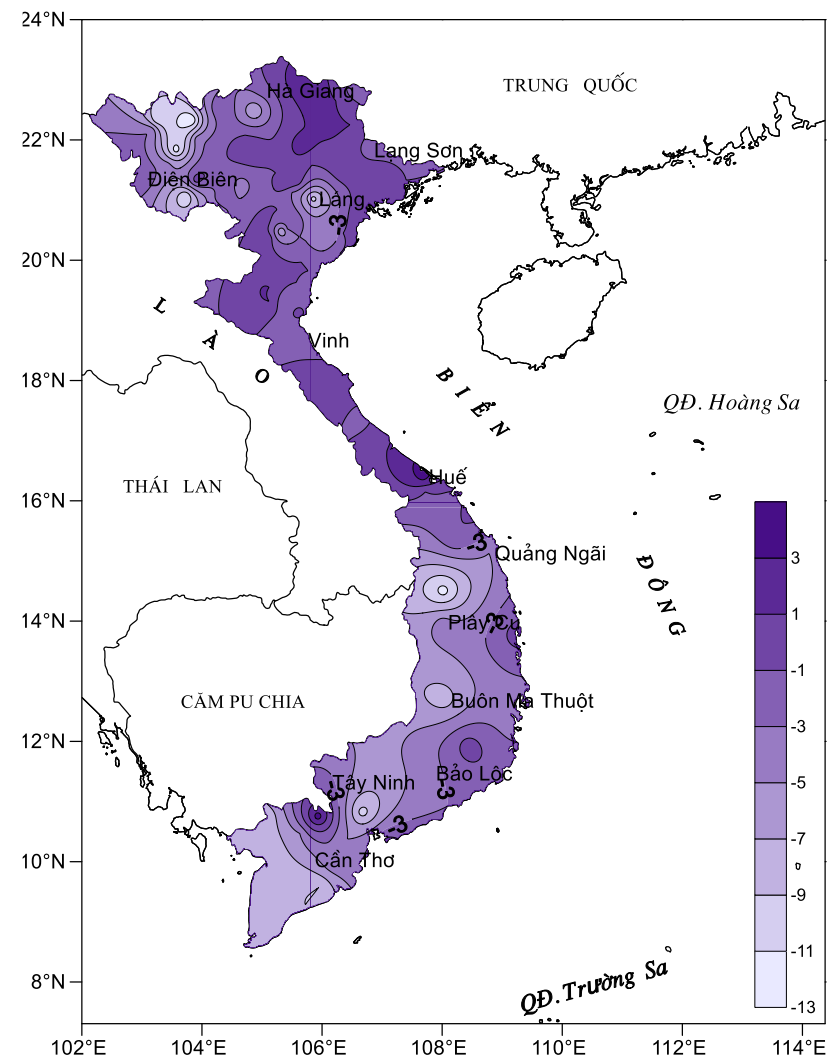
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2020 so với TBNN (°C)



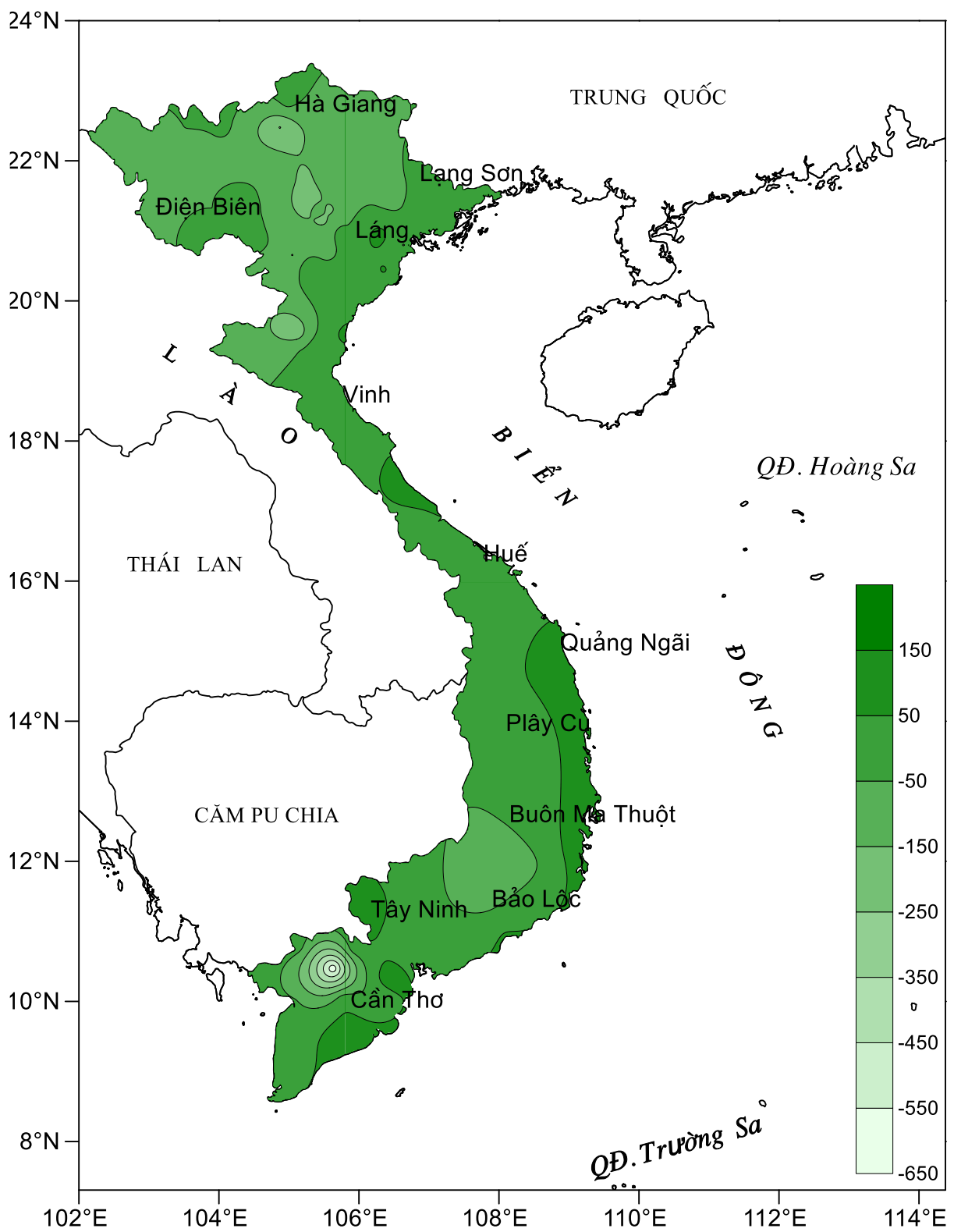
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2020 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2020 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2020 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2020 (mm)



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯƠNG NÔNG NGHIỆP,
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯƠNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
Số 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 37733090-2; Fax: (84-4) 38355993

Email: khituongnongnghiep@imh.ac.vn son.nguyenhong@imh.ac.vn

Website: <http://imh.ac.vn/nghep-vu/cat54/Thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep>